

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
KHOÁNG SẢN FECON**

Số: 0121/CBTT.FCM

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – tự do – Hạnh phúc**

Hà Nam, ngày 21 tháng 01 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP. HCM**

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh;

Công ty: **Công ty cổ phần khoáng sản FECON**

Mã chứng khoán: **FCM**

Địa chỉ trụ sở chính: Cụm công nghiệp Thi Sơn, xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Điện thoại: 0226 3533038

Fax : 0226 3533897

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Hữu Thiệu- người được ủy quyền công bố thông tin

Chức vụ: Trưởng phòng Tổ chức hành chính

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Thi Sơn, xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Điện thoại (cơ quan): 0226 3533 038

Loại thông tin công bố:  định kỳ  bất thường  24h  theo yêu cầu

**Nội dung thông tin công bố:** Giải trình về lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính riêng và hợp nhất Quý 4 năm 2019 thay đổi 10% so với cùng kỳ năm trước.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 21/01/2020 tại đường dẫn: <http://feconmining.com.vn>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Tài liệu đính kèm:

Công văn số 200120/CV-FCM ngày 20/01/2020

**Đại diện tổ chức  
Người được ủy quyền công bố thông tin**



**Nguyễn Hữu Thiệu**

Số: 200120/CV-FCM

Hà Nam, ngày 20 tháng 01 năm 2020

V/v: Lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài  
chính riêng và hợp nhất Quý IV thay đổi  
10% so với cùng kỳ năm trước

**Kính gửi:**

- ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH
- QUÝ CỔ ĐÔNG VÀ NHÀ ĐẦU TƯ

Căn cứ vào số liệu trên báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh riêng hợp nhất đã cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31/12/2019 có sự biến động so với cùng kỳ năm trước. Công ty cổ phần khoáng sản **FECON** (Mã cổ phiếu: **FCM**) xin được giải trình như sau:

**1. Báo cáo tài chính riêng**

| Chỉ tiêu   | Quý IV.2019<br>(Đồng)  | Quý IV.2018<br>(Đồng)  | Chênh lệch               |             |
|--|------------------------|------------------------|--------------------------|-------------|
|  |                        |                        | Trị giá (Đồng)           | %           |
| <b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> | <b>137.680.258.559</b> | <b>243.464.231.571</b> | <b>(105.783.973.012)</b> | <b>-43%</b> |
| Giá vốn hàng bán                                       | 122.396.260.054        | 210.455.289.830        | (88.059.029.776)         | -42%        |
| <b>Lãi gộp</b>   | <b>15.283.998.505</b>  | <b>33.008.941.741</b>  | <b>(17.724.943.236)</b>  | <b>-54%</b> |
| Doanh thu hoạt động tài chính                          | 66.505.216             | 132.336.415            | (65.831.199)             | -50%        |
| Chi phí tài chính                                      | 2.866.367.851          | 3.351.193.427          | (484.825.576)            | -14%        |
| Chi phí bán hàng                                       | 308.475.300            | 1.604.772.039          | (1.296.296.739)          | -81%        |
| Chi phí quản lý DN                                     | 6.095.844.444          | 11.690.365.853         | (5.594.521.409)          | -48%        |
| Thu nhập khác  | 787.020.478            | 183.062.346            | 603.958.132              | 330%        |
| Chi phí khác   | 637.071.439            | 36.770.963             | 600.300.476              | 1633%       |
| <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN</b>          | <b>6.229.765.165</b>   | <b>16.641.238.220</b>  | <b>(10.411.473.055)</b>  | <b>-63%</b> |
| <b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>                         | <b>4.948.980.335</b>   | <b>13.305.769.534</b>  | <b>(8.356.789.199)</b>   | <b>-63%</b> |

**Nguyên nhân chênh lệch: Lợi nhuận sau thuế Quý IV.2019 giảm 63% so với quý cùng kỳ năm trước là do:**

- Doanh thu Quý IV.2019 của công ty mẹ giảm 105,7 tỷ đồng, tương ứng giảm 43% so với quý cùng kỳ năm trước là do Quý IV.2019 1 số dự án trọng điểm của công ty kéo dài sang đầu năm 2020, nên công tác nghiệm thu quyết toán ghi nhận doanh thu không kịp tiến độ ghi nhận trong năm.
- Chi phí giá vốn giảm 42% tương ứng theo doanh thu, ngoài ra trong quý IV.2019 Công ty có trích lập dự phòng đối với hàng tồn kho 4,7 tỷ đồng.

**2. Báo cáo tài chính hợp nhất**

**2.1 Đính chính số liệu Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát quý IV.2018**

Do sơ sót trong quá trình soạn thảo văn bản, nên Công ty xin trình bày lại một số chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát quý IV.2018, toàn bộ các chỉ tiêu khác trên Báo cáo tài chính quý IV.2019 không có sự thay đổi so với số liệu đã công bố, cụ thể:

| Chỉ tiêu                                       | MS | Quý IV.2018   |               |
|--|----|---------------|---------------|
|  |    | Số đã công bố | Số điều chỉnh |
| Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 62 | 2.722.607.072 | 2.234.487.370 |

## 2.2 Giải trình chênh lệch Lợi nhuận sau thuế

| Chỉ tiêu   | Quý IV.2019<br>(Đồng)  | Quý IV.2018<br>(Đồng)  | Chênh lệch              |             |
|--|------------------------|------------------------|-------------------------|-------------|
|  |                        |                        | Trị giá (Đồng)          | %           |
| <b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> | <b>177.607.815.683</b> | <b>276.568.962.959</b> | <b>(98.961.147.276)</b> | <b>-36%</b> |
| Giá vốn hàng bán                                       | 157.452.875.219        | 233.918.094.382        | (76.465.219.163)        | -33%        |
| <b>Lãi gộp</b>   | <b>20.154.940.464</b>  | <b>42.650.868.577</b>  | <b>(22.495.928.113)</b> | <b>-53%</b> |
| Doanh thu hoạt động tài chính                          | 71.449.132             | 151.536.117            | (80.086.985)            | -53%        |
| Chi phí tài chính                                      | 3.600.293.449          | 5.176.243.991          | (1.575.950.542)         | -30%        |
| Chi phí bán hàng                                       | 1.166.398.020          | 2.117.300.013          | (950.901.993)           | -45%        |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp                           | 10.144.211.961         | 15.009.786.262         | (4.865.574.301)         | -32%        |
| Thu nhập khác  | 832.508.660            | 173.972.254            | 658.536.406             | 379%        |
| Chi phí khác   | 677.206.927            | 43.500.440             | 633.706.487             | 1457%       |
| <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN</b>          | <b>5.470.787.899</b>   | <b>20.629.546.242</b>  | <b>(15.158.758.343)</b> | <b>-73%</b> |
| <b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>                         | <b>3.995.294.100</b>   | <b>17.186.916.978</b>  | <b>(13.191.622.878)</b> | <b>-77%</b> |

**Nguyên nhân chênh lệch: Lợi nhuận sau thuế hợp nhất Quý IV.2019 giảm 77% so với quý cùng kỳ năm trước là do:**

- Doanh thu Quý IV.2019 hợp nhất giảm 98,9 tỷ đồng, tương ứng giảm 36% so với quý cùng kỳ năm trước chủ yếu là do giảm từ doanh thu công ty mẹ giảm.
- Chi phí giá vốn giảm 33% tương ứng theo doanh thu, ngoài ra Quý IV. 2019 Công ty mẹ trích lập dự phòng đối với hàng tồn kho 4,7 tỷ đồng và công ty con là công ty cổ phần FECON Nghi Sơn trích lập dự phòng đối với hàng tồn kho 631 triệu đồng.
- Bằng công văn này Công ty cổ phần khoáng sản FECON xin được giải trình với Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh, các quý cổ đông và nhà đầu tư được biết.

**Trân trọng cảm ơn!**

**Nơi nhận:**

- Như Kính gửi;
- Lưu VP.



**Phạm Trung Thành**